

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Phân loại theo 29 CFR 1910.1200

1. Nhận dạng

Nhận dạng sản phẩm: BLOWOUT GEL MOUSSE

Các phương tiện nhận dạng khác

Số SDS : RE1000045546

Các hạn chế được đề xuất Sử dụng

khuyến nghị: Hạn chế chăm sóc cá nhân khi sử dụng: Không được biết.

Nhà sản xuất thông tin nhà sản xuất/nhà nhập khẩu/nhà phân phối

Tên công ty : CHĂM SÓC TÓC BE MẶT
Địa chỉ: 402A 1ST AVE
SASKATOON, SASKATCHEWAN S7K1X6
CA
Điện thoại: 866-944-7863

Số điện thoại khẩn cấp : 1-866-836-8855

2. Nhận dạng (các) mối nguy hiểm

Phân loại nguy hiểm

Vật lý Mối nguy

Bình xịt dễ cháy
hiểm

Thể loại 1

Các mối nguy hiểm về sức khỏe

Chất nhạy cảm với da

Thể loại 1

Các yếu tố nhãn

Biểu tượng Nguy hiểm:



Từ tín hiệu :

Nguy cơ

Tuyên bố nguy hiểm:

Bình xịt cực kỳ dễ cháy.
Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Tuyên bố phòng ngừa

Phòng ngừa:

Tránh xa nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa mở và các nguồn đánh lửa khác. Không hút thuốc. Không phun vào ngọn lửa mở hoặc nguồn đánh lửa khác. Thùng chứa áp lực: Không đâm hoặc đốt cháy, ngay cả sau khi sử dụng. Tránh hít phải bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không nên được phép ra khỏi nơi làm việc. Mặc đồ bảo hộ
găng tay/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ da mặt.

| | |
|--|--|
| Phản ứng: | IF ON SKIN: Rửa sạch với nhiều nước Nếu kích ứng da hoặc phát ban xảy ra: Nhận tư vấn / chú ý y tế. Điều trị cụ thể (xem trên nhãn này). Rửa Quần áo bị ô nhiễm trước khi tái sử dụng. |
| Bộ nhớ: | Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời. Không tiếp xúc với nhiệt độ vượt quá 50°C/122°F. |
| Xử lý: | Xử lý nội dung / container đến một cơ sở xử lý và xử lý thích hợp theo luật pháp và quy định hiện hành và sản phẩm đặc điểm tại thời điểm xử lý. |
| Hazard không phải là khác phân loại (HNOC): | Không ai. |

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

| Nhận dạng hóa học | Số CAS | Nội dung tính theo phần trăm (%) [*] |
|--|-----------|---|
| Propane, 2-methyl- | 75-28-5 | 5 - <10% |
| Ethane, 1,1-difluoro- | 75-37-6 | > = 1 - < = 5% |
| 2-Axit Propenoic , 2-methyl-, 2-(dimethylamino)ethyl ester | 2867-47-2 | 0,1 - <1% |

* Tất cả các nồng độ là phần trăm theo trọng lượng trừ khi thành phần là một loại khí. Nồng độ khí tính theo phần trăm theo thể tích.

Sự tập trung chính xác đã được giữ lại như một bí mật thương mại.

4. Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

| | |
|---|---|
| Hít: | Di chuyển đến không khí trong lành. |
| Tiếp xúc da: | Nếu kích ứng da xảy ra: Nhận tư vấn / chú ý y tế. Tiêu hủy hoặc làm sạch hoàn toàn giày bị ô nhiễm. Ngay lập tức loại bỏ quần áo và giày dép bị ô nhiễm và rửa da bằng xà phòng và nhiều nước. Nếu kích ứng da hoặc phản ứng dị ứng da phát triển, nhận được chăm sóc y tế. |
| Giao tiếp bằng mắt: | Bất kỳ vật liệu nào tiếp xúc với mắt nên được rửa sạch ngay lập tức bằng nước. Nếu để thực hiện, hãy tháo kính áp tròng. Nếu kích ứng mắt Kiên trì: Nhận tư vấn / chăm sóc y tế. |
| Uông: | Gọi cho trung tâm chống độc / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng. |
| Bảo vệ cá nhân cho người ứng cứu sơ cứu: | Lính cứu hỏa phải sử dụng thiết bị bảo vệ tiêu chuẩn bao gồm áo khoác chống cháy, mũ bảo hiểm có tấm chắn mặt, găng tay, giày cao su và trong không gian kín, SCBA. |

Các triệu chứng / ảnh hưởng quan trọng nhất, cấp tính và chậm trễ

| | |
|-----------------------|----------------------------|
| Triệu chứng: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Môi nguy hiểm: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Điều trị:

Được chăm sóc y tế nếu các triệu chứng xảy ra.

5. Biện pháp chữa cháy

Nguy cơ hỏa hoạn nói chung:

Sử dụng bình xịt nước để giữ cho các thùng chứa tiếp xúc với lửa mát mẻ. Chữa cháy từ một vị trí được bảo vệ. Di chuyển container khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm như vậy mà không cần rủi ro.

Phương tiện truyền thông dập tắt phù hợp (và không phù hợp)

Dập tắt thích hợp phương tiện:

Sử dụng phương tiện chữa cháy thích hợp cho các vật liệu xung quanh.

Dập tắt không phù hợp phương tiện:

Không sử dụng tia nước làm bình chữa cháy, vì điều này sẽ lan truyền đám cháy.

Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất:

Hơi nước có thể di chuyển khoảng cách đáng kể đến một nguồn đánh lửa và đèn flash lưng.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt và các biện pháp phòng ngừa cho lính cứu hỏa

Chữa cháy đặc biệt Thủ tục:

Không có dữ liệu sẵn dùng.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa:

Lính cứu hỏa phải sử dụng thiết bị bảo vệ tiêu chuẩn bao gồm áo khoác chống cháy, mũ bảo hiểm có tấm chắn mặt, găng tay, giày cao su và trong không gian kín, SCBA.

6. Biện pháp giải phóng ngẫu nhiên

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và các thủ tục khẩn cấp:

Thông gió không gian kín trước khi vào chúng. LOẠI BỎ tất cả các nguồn đánh lửa (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa trong khu vực ngay lập tức). Tiếp tục lạc gió. Xem Phần 8 của SDS cho thiết bị bảo vệ cá nhân. Không chạm vào các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị đổ trừ khi đeo quần áo bảo hộ phù hợp. Giữ nhân viên trái phép đi.

Các biện pháp phát hành ngẫu nhiên:

LOẠI BỎ tất cả các nguồn đánh lửa (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa trong khu vực ngay lập tức). Ngăn chặn rò rỉ nếu bạn có thể làm như vậy mà không có rủi ro.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch lên:

Ngăn chặn dòng chảy của vật liệu, nếu điều này là không có rủi ro. Hấp thụ với cát hoặc chất hấp thụ trơ khác.

Các biện pháp phòng ngừa môi trường:

Tránh thải ra môi trường. Ngăn chặn rò rỉ thêm hoặc tràn nếu an toàn để làm như vậy. Không làm ô nhiễm nguồn nước hoặc cống rãnh. Môi trường người quản lý phải được thông báo về tất cả các sự cố tràn dầu lớn.

7. Xử lý, bảo quản

Xử lý

Các biện pháp kỹ thuật (ví dụ: Địa phương và thông gió chung):

Không có dữ liệu sẵn dùng.

Tư vấn xử lý an toàn:

Tránh xa nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa mở và các nguồn đánh lửa khác. Không hút thuốc. Không phun vào ngọn lửa mở hoặc nguồn đánh lửa khác. Thùng chứa áp lực: Không đâm hoặc đốt cháy, ngay cả sau khi sử dụng. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Rửa tay kỹ sau khi xử lý.

Các biện pháp tránh tiếp xúc: Không có dữ liệu sẵn dùng.

Bộ nhớ

- Điều kiện bảo quản an toàn :** Thùng chứa áp lực: bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời và không tiếp xúc với nhiệt độ vượt quá 50 ° C. Không đâm hoặc đốt cháy, ngay cả sau khi sử dụng.
Aerosol cấp độ 1
- Vật liệu đóng gói an toàn :** Không có dữ liệu sẵn dùng.
- Nhiệt độ lưu trữ:** Không có dữ liệu sẵn dùng.

8. Kiểm soát phơi sáng/ bảo vệ cá nhân

Kiểm soát thông số Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

| Nhận dạng hóa học | Kiểu | Giá trị Giới hạn Phơi sáng | Nguồn |
|--|------|----------------------------|--|
| Propane, 2-methyl- | REL | 800 ppm 1.900 mg/m3 | CHUNG TỐI. NIOSH: Hướng dẫn bỏ túi về các mối nguy hiểm hóa học, sửa đổi |
| | STEL | 1.000 ppm | CHUNG TỐI. Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH, được sửa đổi |
| Ethanamine, N, N-diethyl- | PEL | 25 ppm 100 mg/m3 | CHUNG TỐI. OSHA Bảng Z-1 Giới hạn cho các chất gây ô nhiễm không khí (29 CFR 1910.1000), sửa đổi |
| | TWA | 10 ppm 40 mg/m3 | CHUNG TỐI. Bảng OSHA Z-1-A (29 CFR 1910.1000), sửa đổi |
| | TWA | 0,5 ppm | CHUNG TỐI. Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH, được sửa đổi |
| | STEL | 15 ppm 60 mg/m3 | CHUNG TỐI. Bảng OSHA Z-1-A (29 CFR 1910.1000), sửa đổi |
| Phenol, 2,6-bis (1,1-dimethylethyl)-4-methyl- - Phân số và hơi thở được. | STEL | 1 ppm | CHUNG TỐI. Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH, được sửa đổi |
| | TWA | 2 mg/m3 | CHUNG TỐI. Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH, được sửa đổi |
| Phenol, 2,6-bis (1,1-dimethylethyl)-4-methyl- | REL | 10 mg/m3 | CHUNG TỐI. NIOSH: Hướng dẫn bỏ túi về các mối nguy hiểm hóa học, sửa đổi |
| | TWA | 10 mg/m3 | CHUNG TỐI. Bảng OSHA Z-1-A (29 CFR 1910.1000), sửa đổi |
| 2,6-Octadienal, 3,7-dimethyl- - Phân và hơi hít vào . | TWA | 5 ppm | CHUNG TỐI. Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH, được sửa đổi |
| 1-Butanol, 3-methyl-, 1-axetat | REL | 100 ppm 525 mg/m3 | CHUNG TỐI. NIOSH: Hướng dẫn bỏ túi về các mối nguy hiểm hóa học, như sửa đổi |
| | TWA | 50 ppm | CHUNG TỐI. Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH, được sửa đổi |
| | STEL | 100 ppm | CHUNG TỐI. Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH, được sửa đổi |
| | PEL | 100 ppm 525 mg/m3 | CHUNG TỐI. OSHA Bảng Z-1 Giới hạn cho các chất gây ô nhiễm không khí (29 CFR 1910.1000), sửa đổi |
| | TWA | 100 ppm 525 mg/m3 | CHUNG TỐI. Bảng OSHA Z-1-A (29 CFR 1910.1000), sửa đổi |

Hướng dẫn phơi nhiễm

| | | |
|--------------------------------|--|-----------------------------|
| Ethanamine, N, N- diethyl- | CHUNG TỐI. Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH, được sửa đổi | Có thể được hấp thụ qua da. |
| 2,6-Octadienal, 3,7- dimethyl- | CHUNG TỐI. Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH, được sửa đổi | Có thể được hấp thụ qua da. |

Kỹ thuật thích hợp Điều khiển Không có dữ liệu sẵn dùng.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo vệ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt : Đeo kính bảo hộ/ tấm chắn mặt.

Bảo vệ da Bảo vệ tay: Không có dữ liệu sẵn dùng.

Bảo vệ da và cơ thể:

Đeo găng tay, giày dép và quần áo bảo hộ kháng hóa chất phù hợp với nguy cơ phơi nhiễm. Liên hệ với chuyên gia sức khỏe và an toàn hoặc nhà sản xuất để biết thông tin cụ thể.

Bảo vệ hô hấp:

Trong trường hợp thông gió không đầy đủ sử dụng mặt nạ phù hợp. Tìm kiếm lời khuyên từ giám sát viên địa phương.

Các biện pháp vệ sinh: Khi sử dụng không hút thuốc. Tuân thủ các thực hành vệ sinh công nghiệp tốt. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không nên được phép ra khỏi nơi làm việc.
Tránh tiếp xúc với da.

9. Tính chất vật lý và hóa học

| | |
|--|--|
| Bề ngoài | |
| Trạng thái vật lý: | lỏng |
| Dạng: | Bình xịt phun |
| Màu: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Mùi: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Ngưỡng mùi: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Ph: | Ước tính 6,71 - 7,71 |
| Điểm đóng băng : | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Điểm sôi : | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Điểm flash: | Ước tính -82,78 °C |
| Tỷ lệ bay hơi: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Tính dễ cháy (rắn, khí): | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Giới hạn nổ - trên (%): | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Giới hạn nổ - thấp hơn (%): | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Áp suất hơi: | 4.550 - 5.240 hPa (20 °C) 11.031 - 11.721 hPa (54 °C) |
| Mật độ hơi (không khí =1): | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Mật độ: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Mật độ tương đối: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Độ hòa tan trong nước: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Độ hòa tan (khác): | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Hệ số phân vùng (n-octanol/nước): | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Nhiệt độ tự đánh lửa: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Nhiệt độ phân hủy: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Độ nhớt động học: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Độ nhớt động: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Tính chất nổ: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Đặc tính oxy hóa : | Không có dữ liệu sẵn dùng. |

10. Ổn định và phản ứng

| | |
|-------------------------------------|---|
| Phản ứng: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Ổn định hóa học: | Vật liệu ổn định trong điều kiện bình thường. |
| Khả năng nguy hiểm Phản ứng: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Các điều kiện cần tránh: | Tránh nóng hoặc ô nhiễm. |
| Vật liệu không tương thích: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Phân hủy nguy hiểm Sản phẩm: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |

11. Thông thiếp độc tính

Thông tin về các tuyến đường phơi nhiễm có khả năng
SDS_US - RE1000045546

Hít:

Không có dữ liệu
sẵn dùng.

| | |
|----------------------------|----------------------------|
| Tiếp xúc da: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Giao tiếp bằng mắt: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Uống: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |

Các triệu chứng liên quan đến các đặc điểm vật lý, hóa học và độc tính

| | |
|----------------------------|----------------------------|
| Hít: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Tiếp xúc da: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Giao tiếp bằng mắt: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Uống: | Không có dữ liệu sẵn dùng. |

Thông tin về ảnh hưởng độc tính

Sắc tính độc (danh sách tất cả Có thể Tuyển của phơi

sáng) Oral
Sản phẩm: Không được phân loại độc tính cấp tính dựa trên dữ

Hít phải da
Sản phẩm: Không được phân loại độc tính cấp tính dựa trên dữ

Lặp lại liều tính độc
Sản phẩm: Không được phân loại độc tính cấp tính dựa trên dữ

Linh kiện:
Propane 2-methyl- NOAEL (Chuột(Nữ, Nam), Hít vào, > = 42 d): 16.000 ppm (m) Kết quả thực nghiệm hít phải, Nghiên cứu chính
NOAEL (Chuột (Nữ, Nam), Hít phải): 21.394 mg / m3 Kết quả thực nghiệm hít phải, Nghiên cứu chính
Ethane, 1,1-difluoro- NOAEL (Chuột(Nữ, Nam), Hít vào, 104 tuần): 2,5 %(m) Hít phải
Kết quả thực nghiệm, Nghiên cứu chính
2-Axit Propenoic , 2-methyl-, 2-(dimethylamino)ethyl Ester LOAEL (Chuột (Nữ, Nam), Hít vào, 3 tuần): 250 ppm (m) Kết quả thực nghiệm hít phải, Nghiên cứu chính
NOAEL (Chuột (Nữ, Nam), Uống, 41 - 52 d): 200 mg / kg Kết quả thực nghiệm uống, Nghiên cứu chính

Da Ăn mòn / Kích thích
Sản phẩm: Không có dữ liệu

Linh kiện:
Ethane, 1,1-difluoro- ước tính Không gây khó chịu
2-Axit Propenoic , 2-methyl-, 2-(dimethylamino)ethyl ester trong Vivo (Thỏ): Rất khó chịu
ước tính Kích thích.

Nghiêm trọng Mắt Tổn thương/Mắt Kích
Sản phẩm: Không có dữ liệu

thích nhạy cảm hô hấp hoặc da Chất gây
Sản phẩm: Không có dữ liệu

ung thư
Sản phẩm: Không có dữ liệu

Chuyên khảo IARC về đánh giá rủi ro gây ung thư cho con người:

Không xác định được thành phần gây ung thư

CHÚNG TÔI. Báo cáo của Chương trình Độc học Quốc gia (NTP) về các chất gây ung thư:

Không xác định được thành phần gây ung thư

CHÚNG TÔI. Các chất được quy định cụ thể của OSHA (29 CFR 1910.1001-1050), được sửa đổi:

Không xác định được thành phần gây ung thư

Mầm Ô Gây đột biến In

vitro

Sản phẩm: Không có dữ liệu

Sinh sản In vivo

Sản phẩm: Không có dữ liệu

tính độc

Sản phẩm: Không có dữ liệu

Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - Phơi nhiễm đơn cụ

Sản phẩm: Không có dữ liệu

thể Mục tiêu Cơ quan Tính độc - Lặp lại Nguy cơ khát

Sản phẩm: Không có dữ liệu

vọng phơi nhiễm

Sản phẩm: Không có dữ liệu

Các hiệu ứng khác:

Không có dữ liệu
sẵn dùng.

12. Thông thiếp sinh thái

Độc tính:

Sắc Mối nguy hiểm đến the the Thủy môi

trường: Cá

Sản phẩm: Không có dữ liệu

Động vật không xương sống dưới nước

Sản phẩm: Không có dữ liệu
sẵn dùng.

Mãn tính Mối nguy hiểm đến the the Thủy môi

trường: Cá

Sản phẩm: Không có dữ liệu

Độc tính của động vật

Sản phẩm: Không có dữ liệu

không xương sống dưới

Sản phẩm: Không có dữ liệu

nước đến Thủy Thực vật

Persistence và Khả năng phân hủy Phân

hủy sinh học

Sản phẩm: Không có dữ liệu

Linh kiện:

Propane, 2-methyl-

100% được phát hiện trong nước. QSAR, Trọng lượng
nghiên cứu bằng chứng

Tỷ lệ BOD/COD

Sản phẩm: Không có dữ liệu sẵn dùng.

Hệ số trung tâm sinh học tiềm năng tích lũy sinh học (BCF)

Sản phẩm: Không có dữ liệu sẵn dùng.

Hệ số phân vùng n-octanol / nước (log Kow)

Sản phẩm: Không có dữ liệu sẵn dùng.

Tính di động trong đất: Không có dữ liệu sẵn dùng.

Linh kiện:

| | |
|--|----------------------------|
| Propane, 2-methyl- | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| Ethane, 1,1-difluoro- | Không có dữ liệu sẵn dùng. |
| 2-Axit Propenoic , 2-methyl-, 2-(dimethylamino)ethyl ester | Không có dữ liệu sẵn dùng. |

Các tác dụng phụ khác: Không có dữ liệu sẵn dùng.

13. Cảnh nhắc xử lý

Hướng dẫn xử lý: Rửa sạch trước khi xử lý. Xử lý đến các cơ sở được kiểm soát.

Bao bì bị ô nhiễm: Không có dữ liệu sẵn dùng.

14. Thông tin giao thông

CHẤM

| | |
|---|--------------------|
| Số LIÊN HỢP QUỐC: | Liên Hợp Quốc 1950 |
| Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc : | Bình xịt, dễ cháy |
| Lớp nguy hiểm giao thông (es) | |
| Lớp: | 2.1 |
| Nhãn(các): | - |
| Ems No.: | - |
| Nhóm đóng gói : | - |
| Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: | Không ai biết. |

IATA

| | |
|---|--------------------|
| Số LIÊN HỢP QUỐC: | Liên Hợp Quốc 1950 |
| Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc : | Bình xịt, dễ cháy |
| Lớp nguy hiểm giao thông (es): | |
| Lớp: | 2.1 |
| Nhãn(các): | - |
| Nhóm đóng gói : | - |
| Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: | Không ai biết. |
| Khác thông tin | |
| Máy bay chở khách và hàng hóa : | Cho phép. 203 |
| | |

IMDG

| | |
|--|--------------------|
| Số LIÊN HỢP QUỐC: | Liên Hợp Quốc 1950 |
| Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc : | Bình xịt, dễ cháy |
| Lớp nguy hiểm giao thông (es) | |
| Lớp: | 2.1 |

| | |
|---|----------------|
| Nhãn(các): | - |
| Ems No.: | F-D, S-U |
| Nhóm đóng gói : | - |
| Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: | Không ai biết. |

Việc phân loại được hiển thị trong phần này có thể đủ điều kiện để sử dụng một ngoại lệ, chẳng hạn như "Số lượng hạn chế", theo các quy định hàng hóa nguy hiểm. Người gửi sản phẩm này nên tham khảo quy định của chế độ áp dụng đối với số Liên Hợp Quốc được hiển thị ở trên để xác định xem có bất kỳ ngoại lệ nào có sẵn và có thể được sử dụng hay không, theo quyết định của chủ hàng.

15. Thông thiếp quy định

Hạn chế sử dụng quy định liên

bang Hoa Kỳ: Không được biết
đến.

TSCA Mục 12(b) Thông báo xuất khẩu (40 CFR 707, Subpt. d)

CHÚNG TÔI. Đạo luật kiểm soát chất độc hại (TSCA) Mục 5(a)(2) Quy tắc sử dụng mới quan trọng cuối cùng (SNURs) (40 CFR 721, Subpt E)

CHÚNG TÔI. Các chất được quy định cụ thể của OSHA (29 CFR 1910.1001-1050), được sửa đổi
Không có mặt hoặc không có mặt với số lượng quy định.

Danh sách chất độc hại CERCLA (40 CFR 302.4):

Nhân dạng hóa học

CHẤT THÁI NGUY HẠI RCRA SỐ. D001

CHẤT THÁI NGUY HẠI CHƯA NIÊM YẾT ĐẶC TRƯNG CỦA KHẢ
NĂNG ĐÁNH LỬA

Ethane, 1,1-difluoro-

GLYCOL ETHERS

TRIETHYLAMINE

DIETHYL SULFATE

ISO-AMYL ACETATE

Sửa đổi Superfund và Đạo luật tái cấp phép năm 1986 (SARA) Các

loại nguy hiểm

Đễ cháy (khí, bình xịt, chất lỏng hoặc chất rắn), nhạy cảm hô hấp hoặc da

CHÚNG TÔI. EPCRA (SARA Title III) Mục 304 Số lượng báo cáo chất cực kỳ nguy hiểm và Đạo luật ứng phó, bồi thường và trách nhiệm môi trường toàn diện (CERCLA)

Không có mặt hoặc không có mặt với số lượng quy định.

CHÚNG TÔI. Epa lập kế hoạch khẩn cấp và đạo luật quyền được biết cộng đồng (EPCRA) SARA Tiêu đề III Mục 313 Hóa chất độc hại (40 CFR 372.65) - Yêu cầu thông báo của nhà cung cấp

Không có mặt hoặc không có mặt với số lượng quy định.

Đạo luật không khí sạch (CAA) Mục 112 (r) Phòng ngừa giải phóng ngẫu nhiên (40

CFR 68.130): Đạo luật nước sạch Mục 311 Các chất độc hại (40 CFR 117.3)

Quy định của Tiểu bang Hoa Kỳ

CHÚNG TÔI. Dự luật California 65



CẢNH BÁO: Sản phẩm này có thể khiến bạn tiếp xúc với các hóa chất bao gồm axit Sulfuric, diethyl ester được tiểu bang California biết đến để gây ung thư.

Để biết thêm thông tin, hãy truy cập www.P65Warnings.ca.gov.

CHÚNG TÔI. Đạo luật quyền được biết của người lao động và cộng đồng ở New Jersey

Nhân dạng hóa học

Propane, 2-methyl-

Ethane, 1,1-difluoro-

CHÚNG TÔI. Massachusetts RTK - Danh sách chất

Nhân dạng hóa học

Axit sulfuric, diethyl ester

CHÚNG TÔI. Pennsylvania RTK - Chất độc hại

Nhân dạng hóa
học
Propane, 2-methyl-

CHÚNG TÔI. Rhode Island RTK

Không có thành phần nào được quy định bởi Ri Right-to-Know Law hiện diện.

Quốc tế quy định nghị

định của Montreal

Ethane, 1,1-difluoro-

Nhóm Tôi Phụ

Hội nghị Stockholm

Ethane, 1,1-difluoro-

Hội nghị Rotterdam

Ethane, 1,1-difluoro-

Kyoto Trạng

thái hàng tồn kho

AICS Uc

Không tuân thủ hàng tồn kho.

giao thức:

Danh sách hàng tồn kho DSL Canada

Không tuân thủ hàng tồn kho.

Hàng tồn kho NDSL Canada

Không tuân thủ hàng tồn kho.

Hàng tồn kho Ontario

Không tuân thủ hàng tồn kho.

Trung Quốc Inv. Các chất hóa học hiện có

Không tuân thủ hàng tồn kho.

Danh sách Nhật Bản (ENCS)

Không tuân thủ hàng tồn kho.

Danh sách ISHL Nhật Bản

Không tuân thủ hàng tồn kho.

Danh sách Dược điển Nhật Bản

Không tuân thủ hàng tồn kho.

Hàn Quốc hiện có hóa chất inv. (KECI)

Không tuân thủ hàng tồn kho.

Mexico INSQ

Không tuân thủ hàng tồn kho.

Hàng tồn kho hóa chất New Zealand

Không tuân thủ hàng tồn kho.

Philippines PICCS

Không tuân thủ hàng tồn kho.

Kiểm kê chất hóa học Đài Loan

Không tuân thủ hàng tồn kho.

Hàng tồn kho TSCA của Hoa Kỳ

Không tuân thủ hàng tồn kho.

EINECS, ELINCS hoặc NLP

Không tuân thủ hàng tồn kho.

16.Thông tin khác, bao gồm ngày chuẩn bị hoặc sửa đổi lần cuối

Ngày phát hành: 09/08/2021

Thông tin sửa đổi: Không có dữ liệu sẵn dùng.

Phiên bản #: 1.0

Thông tin thêm: Không có dữ liệu sẵn dùng.

Disclaimer: Thông tin này được cung cấp mà không cần bảo hành. Thông tin được cho là
Hãy đúng. Thông tin này nên được sử dụng để đưa ra quyết định độc lập

về các phương pháp bảo vệ người lao động và môi trường.